

| | | | |
|---------------------------|-------------------|-------------|-------------|
| Ngày 28/06/2024 | 56,900 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 2.0% | 0.7% | 7.8% |

| | | |
|------------|--------------|--------------------|
| | Q2/24 | |
| ROE | 34.8% | +/- YoY ▼ 13.9% |

| | | | |
|-----------------|-------------|---------------|---------------|
| | Q2/24 | | |
| DT thuần | 85.4 | QoQ ▲ 34.7 | YoY ▼ 12.2 |
| | | ▲ 68.4% | ▼ 12.5% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|-----------------|------------|---------------|
| | 6T 2024 | |
| DT thuần | 136 | YoY ▼ 16.0 |
| | | ▼ 10.3% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|---------------|-------------|---------------|---------------|
| | Q2/24 | | |
| LN gộp | 55.9 | QoQ ▲ 26.4 | YoY ▼ 10.2 |
| | | ▲ 89.6% | ▼ 15.4% |
| | tỷ VNĐ | | |

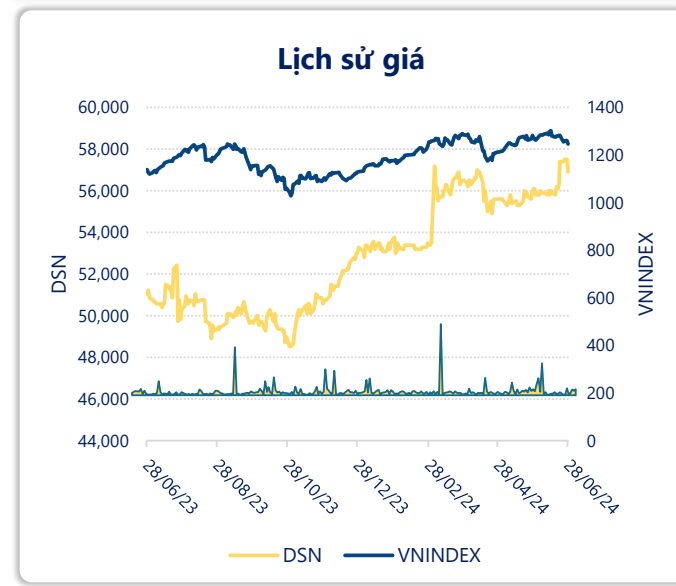
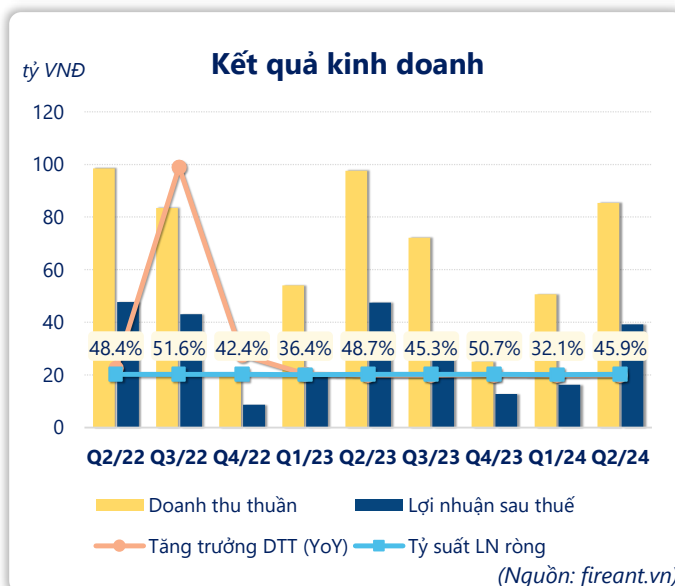
| | | |
|---------------|-------------|---------------|
| | 6T 2024 | |
| LN gộp | 85.5 | YoY ▼ 13.5 |
| | | ▼ 13.7% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-----------------|-------------|---------------|---------------|
| | Q2/24 | | |
| LN thuần | 48.3 | QoQ ▲ 28.1 | YoY ▼ 11.0 |
| | | ▲ 139% | ▼ 18.5% |
| | tỷ VNĐ | | |

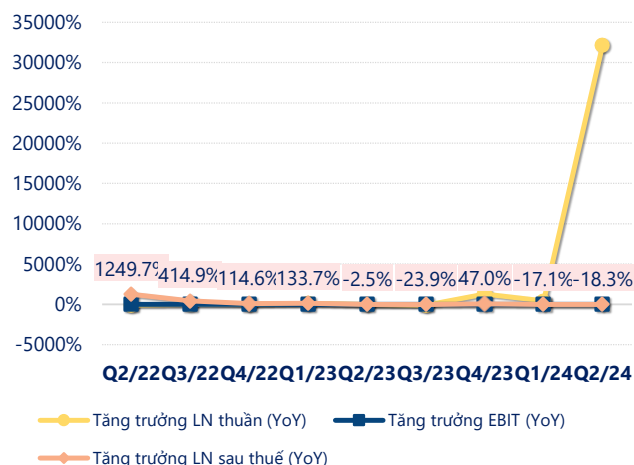
| | | |
|-----------------|-------------|---------------|
| | 6T 2024 | |
| LN thuần | 68.5 | YoY ▼ 15.4 |
| | | ▼ 18.3% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|--------------------|-------------|---------------|---------------|
| | Q2/24 | | |
| LN sau thuế | 39.2 | QoQ ▲ 23.0 | YoY ▼ 8.30 |
| | | ▲ 142% | ▼ 17.5% |
| | tỷ VNĐ | | |

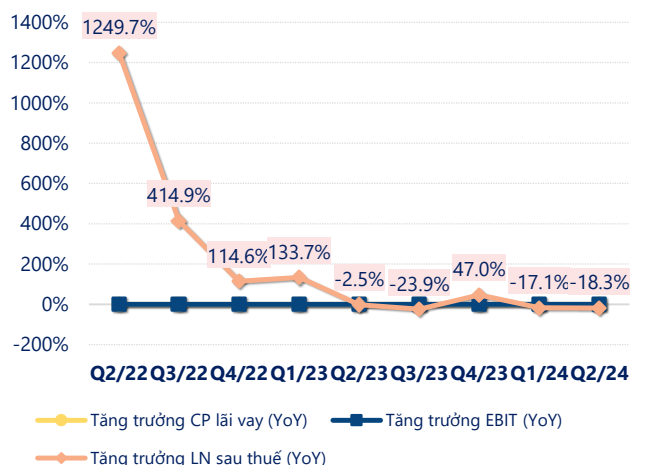
| | | |
|--------------------|-------------|---------------|
| | 6T 2024 | |
| LN sau thuế | 55.4 | YoY ▼ 11.7 |
| | | ▼ 17.5% |
| | tỷ VNĐ | |



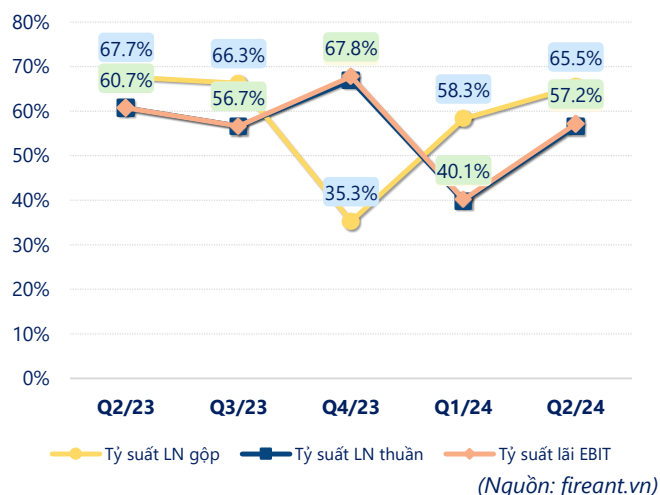
Tăng trưởng lợi nhuận



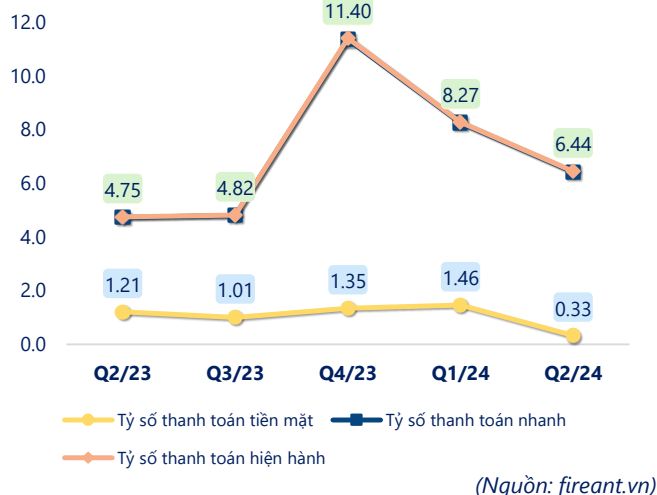
Tăng trưởng chi phí



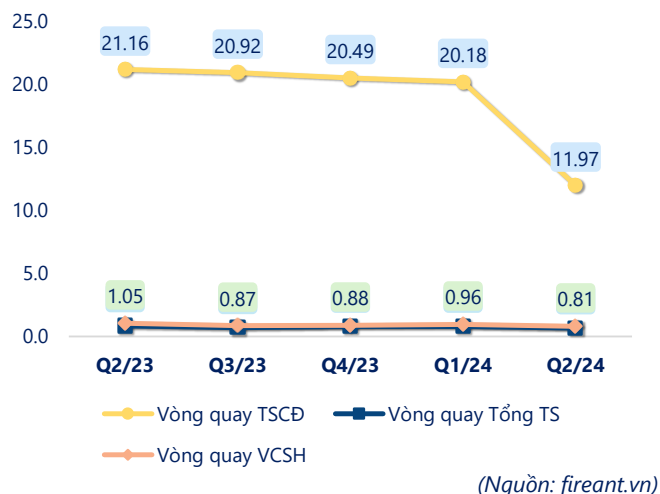
Tỷ suất lợi nhuận



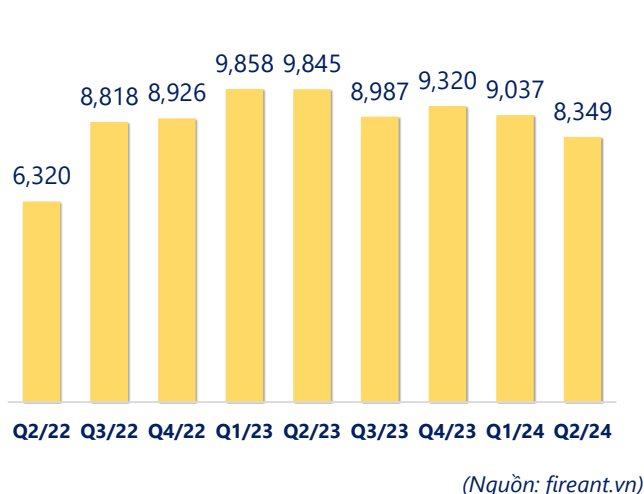
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q2/24 | Q2/23 | Thay đổi YoY | 6T 2024 | 6T 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------|-------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 85.4 | 97.6 | -12.5% | 136 | 152 | -10.3% |
| Giá vốn hàng bán | 29.5 | 31.5 | -6.5% | 50.6 | 52.7 | -4.0% |
| Lợi nhuận gộp | 55.9 | 66.1 | -15.4% | 85.5 | 99.0 | -13.7% |
| Doanh thu HĐTC | 2.44 | 4.64 | -47.5% | 2.86 | 5.53 | -48.2% |
| Chi phí TC | 0 | 0.93 | -100% | 0 | 0.93 | -100% |
| Chi phí lãi vay | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 3.65 | 3.32 | 10.1% | 8.14 | 7.13 | 14.2% |
| Chi phí QLDN | 6.39 | 7.17 | -10.8% | 11.7 | 12.6 | -7.1% |
| LN thuần từ HĐKD | 48.3 | 59.3 | -18.5% | 68.5 | 83.9 | -18.3% |
| Lợi nhuận khác | 0.52 | 0.00 | | 0.68 | 0.03 | 1991% |
| LN trước thuế | 48.8 | 59.3 | -17.7% | 69.2 | 83.9 | -17.6% |
| Lợi nhuận sau thuế | 39.2 | 47.5 | -17.5% | 55.4 | 67.1 | -17.5% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 39.2 | 47.5 | -17.5% | 55.5 | 67.2 | -17.5% |

(Nguồn: fireant.vn)

